TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **147**/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 06-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Trung
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thư L – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 450/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 470/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Xin vắng mặt)*

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2020 và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/01/2020 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định.

Sau thời gian vợ chồng chung sống khoảng bốn năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường

xuyên cãi nhau, anh T đi nhậu về kể lể, tính toán tiền bạc với chị, khi mẹ chị bệnh anh không phụ chị chăm con để chị có thể nuôi mẹ nằm viện… Chị và anh T đã sống ly thân khoảng sáu tháng nhưng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung họ tên là Bùi Duy K, sinh ngày 01/11/2019. Chị yêu cầu sau khi ly hôn con chung giao cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Bùi Văn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nên không có lời trình bày, cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L. Về hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh Bùi Văn T. Về con chung: Bùi Duy K, sinh ngày 01/11/2019 giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không có không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Bùi Văn T có nơi cư trú tại ấp H, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị Trúc L có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L. Anh Bùi Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L, Hội đồng xét xử nhận định: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/01/2020 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị L và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L xác định là do giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, anh T đi nhậu về kể lể, tính toán tiền bạc với chị, khi mẹ chị bệnh anh không phụ chị chăm con để chị có thể nuôi mẹ nằm viện… Chị và anh T đã sống ly thân khoảng sáu tháng nhưng không thể hàn gắn được. Anh T đã được Toà án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên hoà giải nhưng anh T không đến chứng tỏ anh cũng không có thiện chí đoàn tụ. Đồng thời, anh T cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến hay phản đối lời trình bày của chị L. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị L vẫn kiên quyết giữ nguyên quan điểm ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T.

[5] Xét về con chung: Chị L và anh T có một con chung họ tên là Bùi Duy K, sinh ngày 01/11/2019. Xét thấy, con chung còn nhỏ, cần sự gần gũi, chăm sóc của mẹ nhiều hơn, anh T cũng không đưa ra yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là ý chí tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[6] Xét về tài sản chung: Chị L xác định không có tài sản chung, anh T không đưa ra yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung, anh T không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

[8] Xét về án phí: Nguyên đơn chị L có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L, cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị L và anh T có một con chung họ tên là Bùi Duy K, sinh ngày 01/11/2019. Sau khi ly hôn, con chung giao cho chị L trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L xác định không có tài sản chung, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung, anh T không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị L có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001215 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân